

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/ 2023/ HNGĐ - ST
Ngày 20 - 4 -2023
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh PV T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã TK, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn Chị TTN N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã HM, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Trung, chị N đều vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn anh PV T trình bày:

Anh PV T và chị TTN N quen nhau tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Quảng Ngãi vào ngày 18 tháng 9/2015. Sau khi kết hôn anh Trung, chị N sinh sống tại Thôn M, xã TK, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc sống kéo dài đến năm 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải hòa được chị N về huyện Nghĩa Hành sinh sống cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân phần ai nấy sống,.

Giữa anh Trung, chị N đã không còn tình cảm nên anh Trung gửi đơn đến Tòa để xin Tòa giải quyết cho anh Trung được ly hôn với chị TTN N.

Về con chung: Giữa anh Trung và chị N chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, bị đơn chị TTN N trình bày: Chị N và anh Trung có đăng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Trung có nhiều bất đồng nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm. Nay anh Trung có đơn yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh PV T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị TTN N, chị N có nơi cư trú ở xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trung và chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/9/2015, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh PV T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Ngày 16/11/2022 Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị TTN N nhưng chị N không có mặt ở nhà. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành đã cùng với đại diện chính quyền địa phương xã Hành Minh lập biên bản và tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng với Giấy triệu tập để chị N đến Tòa làm việc liên quan đến nội dung anh Trung trình bày và yêu cầu Tòa giải quyết. Chị N không đến Tòa để làm việc nhưng có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2023, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn anh Trung vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 20/4/2023, bị đơn chị TTN N vắng mặt, anh Trung vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh PV T và chị TTN N đã xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trung ương quyết ly hôn. Chị N có văn bản trả lời cho Tòa án cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Trung và chị N đã trầm trọng, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh PV T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, chị N cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho anh PV T được ly hôn với chị TTN N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung: Anh Trung, chị N trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét..

[7] Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh PV T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh PV T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh PV T được ly hôn chị TTN N.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung và nợ chung: Anh Trung, chị N đều trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh PV T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Tr đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001648 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, anh Trung đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

TÒA

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Diệu